

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HC-ST

Ngày: 14 – 01 - 2026

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ và ông Đào Văn Sáng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST-HC ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXXST-HC ngày 03/6/2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 122/TB-TA ngày 13/6/2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 511/TB-TA ngày 30/7/2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 821/TB-TA ngày 28/8/2025 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 1216/TB-TA ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố N, xã H, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trí V, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố A, phường B, tỉnh Lâm Đồng) (Hợp đồng ủy quyền ngày 02/7/2024). (Có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn D - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L. (Vắng mặt)

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H;

2.3. Ủy ban nhân dân huyện H;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H: Ông Nguyễn Đình H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2025). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H: Ông Dương Văn H1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Kinh tế xã H. (Công văn số 30/UBND-VP ngày 09/01/2026). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ban phát triển quỹ đất H - Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 1. (Vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H: Ông Nguyễn Đình H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2025). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H: Ông Dương Văn H1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Kinh tế xã H. (Công văn số 30/UBND-VP ngày 09/01/2026). (Có mặt)

3.3. Bà Trương Thị T1, sinh năm 1973; (Có mặt)

3.4. Bà Trương Thị T2, sinh năm 1975; (Có mặt)

3.5. Ông Trương Đình T3, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

3.6. Bà Trương Thị T4, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà T4 và ông T3: Bà Trương Thị T2, sinh năm 1975; (Giấy ủy quyền ngày 10/7/2024)

Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố N, xã H, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Hộ gia đình bà Trần Thị T sử dụng diện tích đất 835m² thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố N, xã H, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 717242 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện H cấp ngày 01/11/2013. Để thực hiện công trình Công viên trung tâm huyện H nên hộ bà Trần Thị T bị thu hồi diện tích đất 822,1m².

1.1. Đối với việc ban hành Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ngày 31/12/2021, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5160/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T cư ngụ tại khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 913.737.558 đồng. Về chính sách giá bồi thường, hỗ trợ về đất: UBND huyện H vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai. Như vậy, việc thực hiện chính sách giá bồi thường cho hộ gia đình bà T là không đúng quy định vì Quyết định thu hồi đất số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 nhưng UBND huyện H lại căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường công trình Công viên trung tâm huyện H, để tính toán bồi thường. Về quy trình thực hiện hồ sơ: UBND huyện H vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật Đất đai năm 2013 về quy trình thực hiện bồi thường từ khâu đầu vào ban hành thông báo thu hồi đất...; Ban hành quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường...; Ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường phải được thực hiện xong trong thời gian 180 ngày. Nhưng theo hồ sơ thì thời điểm thông báo thu hồi đất năm 2017 (Thông báo số 56/TB-UBND ngày 10/5/2017) nhưng đến năm 2021 (Là sau 04 năm) UBND huyện H mới ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc thu hồi đất và Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T. UBND huyện H làm sai quy trình và quy định pháp luật trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hồ sơ thu hồi đất của hộ bà Trần Thị T.

1.2. Đối với việc ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H. Ngày 31/12/2021, UBND huyện H ban hành

Quyết định số 494/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Trần Thị T để thực hiện công trình Công viên trung tâm huyện đối với diện tích 822,1m² đất, trong khi Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ hộ bà Trần Thị T ban hành không đúng quy định về chính sách giá bồi thường và quy trình về thời gian thực hiện bồi thường tại khoản 1 Điều 67 và khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai mà UBND huyện H làm căn cứ để thu hồi đất đối với hộ bà Trần Thị T là trái pháp luật.

1.3. Đối với việc ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND huyện H không tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai thể hiện: Thu hồi toàn bộ diện tích đất của hộ bà Trần Thị T với diện tích 822,1m² đất nhưng Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 chỉ giao cho hộ bà Trần Thị T diện tích 192,1m² đất là không công bằng đối với diện tích đất bị thu hồi và bồi thường. Lẽ ra việc bồi thường phải được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai cụ thể là diện tích 822,1m² đất ở và đất trồng cây hàng năm. Tuy nhiên hộ bà Trần Thị T không được giao đất đúng quy định nêu trên (Vi phạm nghiêm trọng quy định đảm bảo cho dân chỗ ở bằng hoặc tốt hơn chỗ ở bị Nhà nước thu hồi theo Nghị quyết số 18 ngày 16/6/2022; Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 197 ngày 03/12/2004 của Chính phủ). Diện tích đất bị thu hồi của hộ bà Trần Thị T có vị trí là đất hai mặt tiền, thuận lợi cho việc kinh doanh từ trước đến nay và là nguồn thu nhập chính của hộ gia đình nhưng nay bị thu hồi trắng. Trong khi đất được đền bù làm nơi ở mới không tương xứng với diện đất bị thu hồi. Như vậy là trái với chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước “là nơi ở mới phải bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ”. Việc UBND huyện H căn cứ quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T không đúng quy định pháp luật nhưng lại ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 về việc giao đất ở cho hộ gia đình bà Trần Thị T là chưa khách quan và không đúng quy định của pháp luật như đã viện dẫn ở trên.

1.4. Đối với việc ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ngày 19/4/2022, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình bà Trần Thị T. Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 “Về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T cư ngụ tại khu phố N, thị trấn T, huyện H” với số tiền 913.737.558 đồng là không đúng quy định (Vi phạm quy định về chính sách giá bồi thường và quy trình về thời gian thực hiện bồi thường). Vì lẽ đó Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 không có giá trị pháp lý, tuy nhiên Chủ tịch UBND huyện H dùng làm căn cứ để ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 “Về việc

cưỡng chế thu hồi đất” và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình bà Trần Thị T là trái quy định của Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện H ban hành trái quy định đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích chính đáng của hộ bà Trần Thị T.

1.5. Đối với việc ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T (Lần đầu). Quá trình thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà Trần Thị T thể hiện: Ngày 31/12/2021 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5160/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T”; Ngày 31/12/2021, UBND huyện H ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất”; Ngày 12/4/2022, UBND huyện H ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND “Về việc giao đất ở cho hộ gia đình bà Trần Thị T”; Ngày 19/4/2022, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND “Về việc cưỡng chế thu hồi đất”. Tất cả các quyết định nêu trên đều không đúng quy định pháp luật.

Lẽ ra yêu cầu khiếu nại của bà T phải được chấp nhận nhưng ngược lại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H lại không chấp nhận nội dung yêu cầu khiếu nại; đồng thời giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 67 và khoản 2 Điều 74 của Luật Đất Đai năm 2013 nên đã trực tiếp ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình.

1.6. Đối với việc ban hành Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Không đồng ý với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H nên bà Trần Thị T tiếp tục có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 25/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1783/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T thường trú tại khu phố N, thị trấn T, huyện H (Lần hai). Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh B đã không xem xét, giải quyết toàn diện trình tự, thủ tục và nội dung các quyết định của UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H ban hành là sai quy định mà chỉ “Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 đối với nội dung bồi thường về giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất...” là không có căn cứ và trái quy định của pháp luật.

UBND huyện H làm sai quy trình và quy định của Luật Đất đai năm 2013 trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hồ sơ thu hồi đất của hộ bà Trần Thị T nên bà đã khiếu nại nhưng không được chấp nhận thể hiện tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 67 và khoản

2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H phải hủy bỏ các quyết định liên quan đến hồ sơ thu hồi đất của hộ bà Trần Thị T và yêu cầu UBND huyện H thực hiện lại công tác thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thu hồi đất là hộ gia đình bà Trần Thị T nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B lại giao cho Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 là vi phạm quy định (Như đã viện dẫn trên). Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B đã không xem xét đầy đủ, toàn diện nội dung hồ sơ và quy trình thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T đã đúng quy định của pháp luật hay chưa mà chỉ xem xét về hình thức của các quyết định nên bà T hoàn toàn không đồng ý với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bị xâm phạm nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

1. Hủy Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H “Về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T cư ngụ tại khu phố N, thị trấn T, huyện H”;

2. Hủy Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H “Về việc thu hồi đất thực hiện công trình Công viên trung tâm huyện”;

3. Hủy Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND huyện H “Về việc giao đất ở cho hộ gia đình ông (bà) bà Trần Thị T”;

4. Hủy Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện H “Về việc cưỡng chế thu hồi đất”;

5. Hủy Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ khu phố N, thị trấn T, H (Lần đầu);

6. Hủy Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T thường trú tại khu phố N, thị trấn T, huyện H (Lần hai)”;

7. Buộc UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ lập lại hồ sơ về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 822,1m² tọa lạc tại khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cho hộ bà Trần Thị T theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 “Về việc điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H”

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/6/2025, bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện H “Về việc điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H”.

Ngày 16/6/2025 bà Trần Thị T nhận được Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện H. Tuy nhiên, Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 ban hành không đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực pháp luật (01/8/2024) và Quyết định số 68 QĐ/UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh B về việc điều chỉnh Quyết định số 37 ngày 20/12/2019... có hiệu lực pháp luật thì ngày 13/5/2025 người bị kiện - UBND huyện H mới ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND “Về việc điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H”.

Lẽ ra việc điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H phải được thực hiện ngay sau khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 đó là “5. Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải chỉnh sửa, bổ sung mà có nội dung chỉnh sửa về giá đất, giá tài sản thì giá đất, giá tài sản để tính bồi thường được xác định tại thời điểm ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tại thời điểm ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà giá đất, giá tài sản thấp hơn so với giá đất, giá tài sản trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt thì áp dụng giá bồi thường trong phương án đã được phê duyệt. Các nội dung được chỉnh sửa, bổ sung mà không phải là giá đất, giá tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”. Và các Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ... các Quyết định của UBND tỉnh B như Quyết định số 43/2024/QĐ/UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh B, Quyết định số 68 QĐ/UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh B “Về việc điều chỉnh Quyết định số 37 ngày 20/12/2019... tại Điều 2 Quyết định số 68 quy định về. Hiệu lực áp dụng ghi **“Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2025”**”. Nhưng hơn 19 tháng ngày

13/5/2025 UBND huyện H mới có Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025.

+ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện H ban hành không đúng quy định pháp luật.

* Về nội dung: Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện H thừa nhận toàn bộ “Bảng tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Điều chỉnh) số 01/BGTTBT ngày 04/02/2025 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư UBND huyện H”. Tuy nhiên, B tính toán.... số 01/BGTTBT ngày 04/02/2025 của Hội đồng ... không đúng quy định của pháp luật thể hiện:

- Sai về hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường về đất và tái định cư.
- Sai giá đất để tính bồi thường về đất.
- Sai về suất tái định cư tối thiểu.
- Sai về hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân đối với trường hợp thu hồi đất ở và phải di dời chỗ ở (Theo quy định tại Điều 26 và Điều 33 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh). Trong trường hợp này bà T được hỗ trợ thêm là: $100\text{m}^2 \times 1.975.680 \text{ đ/m}^2 = (8.064.000 - 6.088.320 \text{ đ/m}^2) = 197.568.000\text{đ}$

Tuy nhiên, UBND huyện H không tính cho bà T được hưởng chính sách này làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà T.

- Vi phạm về quy trình giải quyết hồ sơ tái định cư và quy trình thời gian thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại.

Do vậy người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện H.

2. Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H cũng như người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại Công văn số 2375/UBND-NCKSTTHC ngày 27/6/2024 người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

3.1. Về nội dung vụ việc:

Ngày 30/10/2015, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3010/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình Công viên Trung tâm huyện H (Dự án).

Ngày 15/12/2016, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1703/QĐ-UBND phê duyệt phương án tái định cư của Dự án (Được niêm yết công khai từ ngày 16/12/2016 đến ngày 19/12/2016 tại thị trấn T); Theo đó, hộ

bà Trần Thị T được bố trí 01 lô đất tái định cư thuộc dãy 1 dọc Quốc lộ A thuộc khu dân cư trung tâm huyện.

Ngày 10/5/2017, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1082/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án; Đồng thời, ban hành Thông báo số 56/TB-UBND thu hồi đất của hộ bà Trần Thị T.

Từ tháng 5/2017, UBND huyện H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ được 10 đợt: 45 hộ/34.242,6 m² với tổng kinh phí 27.563.020.286 đồng. Trong đó: Có 37/45 trường hợp đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong năm 2017 - 2019; 08/45 trường hợp do không chấp hành nên UBND huyện H có quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó, 05/08 hộ đã chấp hành, không phát sinh khiếu nại, 03/08 hộ có phát sinh khiếu nại (Có hộ bà Trần Thị T).

Đối với trường hợp bà Trần Thị T, các cơ quan chuyên môn của UBND huyện H và UBND thị trấn T nhiều lần tổ chức vận động thuyết phục để thực hiện kiểm đếm, đo đạc đất nhưng bà T không đồng ý phối hợp. Đến ngày 08/10/2018, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND về kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà T và tiếp tục vận động, thuyết phục nhưng bà T vẫn không chấp hành.

- Ngày 16/01/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H có Công văn số 11/TNMT gửi C tỉnh đề nghị hướng dẫn một số tình huống trong thu hồi đất, bồi thường giải tỏa và tái định cư của Dự án. Ngày 07/3/2019, C có Công văn số 201/CCQLĐĐ-HCTH có ý kiến hướng dẫn về trình tự, thủ tục cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc.

- Ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND huyện H có Quyết định số 1183/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1591/QĐ-UBND (Lý do: Hết hạn thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc); Sau đó, ngày 28/10/2021, ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND về kiểm đếm bắt buộc và ngày 09/11/2021, ban hành Quyết định số 2273/QĐ-UBND về cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà T.

- Ngày 31/12/2021, UBND huyện H ban hành Quyết định số 5153/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 05 trường hợp (Trong đó có trường hợp bà T) và Quyết định số 494/QĐ-UBND thu hồi diện tích 822,1 m² đất (ODT, BHK) tại thị trấn T của hộ bà Trần Thị T để thực hiện Dự án; Đồng thời, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5160/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T với tổng giá trị bồi thường là 913.737.558 đồng.

- Ngày 06/01/2022, bà Trần Thị T (Ủy quyền bà Trương Thị T1) có Đơn khiếu nại Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về các nội dung: Giá bồi thường về đất, tài sản trên đất thấp; Đề nghị bồi thường theo giá đất tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất năm 2021; Đề nghị bố trí tái định cư tại vị trí tương xứng dọc Quốc lộ A tại khu dân cư trung tâm huyện theo quy định; Đồng thời, đề nghị giao thêm đất ở cho con ruột bà T là bà Trương Thị T2.

- Ngày 09/3/2022, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) của bà Trần Thị T với nội dung giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H.

- Ngày 19/4/2022, UBND huyện H ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Trần Thị T.

- Không đồng ý Quyết định số 28/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện H, bà T có đơn khiếu nại đề ngày 07/4/2022 gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Nội dung khiếu nại của bà T (Theo Đơn ghi ngày 07/4/2022 và ngày 05/5/2022 và Biên bản làm việc của Thanh tra tỉnh ngày 06/6/2022): Bà không đồng ý với giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023, cụ thể như sau:

+ UBND huyện H áp giá bồi thường về đất đối với phần diện tích đất Nhà nước thu hồi của bà theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh là không đúng vì quyết định thu hồi đất của bà do UBND huyện H ban hành năm 2021.

+ Yêu cầu giải quyết 01 lô đất ở cho con ruột của bà là Trương Thị T2 vì lý do diện tích đất thu hồi của gia đình lớn, vị trí giáp 02 mặt tiền đường là tài sản chung của cả gia đình. Bà Trần Thị T có 06 người con đã lập gia đình hoặc chuẩn bị lập gia đình nhưng khi thu hồi đất chỉ có 02 người con là bà Trương Thị T5 và bà Trương Thị T6 được giải quyết đất tái định cư; còn lại 04 người không được giải quyết đất ở.

- Thực hiện Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ xác minh khiếu nại; Thanh tra tỉnh tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của bà Trần Thị T và có Báo cáo số 115/BC-TTBT ngày 12/7/2022 về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Sau đó, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh tiếp tục kiểm tra, rà soát và có Công văn số 170/TTBT-PNV2 ngày 12/10/2022 về kết quả kiểm tra, rà soát khiếu nại của bà Trần Thị T, bà Trương Thị T5 và bà Trương Thị T6.

- Ngày 07/8/2023, theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì cùng với đại diện lãnh đạo Sở T7, Ban Tiếp công dân tỉnh, UBND huyện H và UBND thị trấn T tổ chức đối thoại với bà Trần Thị T.

3.2. Về nội dung khiếu nại giá đất

Ngày 25/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1783/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại đối với bà Trần Thị T (Lần hai), theo đó nhận định:

UBND huyện H ban hành quyết định thu hồi đất và Chủ tịch UBND huyện H ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ vào ngày 31/12/2021, tại thời điểm này UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 và đã có hiệu lực thi hành nhưng UBND huyện H vẫn áp giá theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh (Tại thời điểm đó đã hết hiệu lực thi hành) và Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất của dự án là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, bà T khiếu nại việc áp giá bồi thường về đất đối với phần diện tích 822,1m² theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 và Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, nội dung khiếu nại này của bà T là đúng.

3.3. Về nội dung bà T yêu cầu giải quyết 01 lô đất ở cho con ruột của bà là bà Trương Thị T2

Tại thời điểm UBND huyện H có Thông báo số 56/TB-UBND ngày 10/5/2017 thu hồi đất đối với hộ bà T thì bà Trương Thị T2 không sinh sống ổn định trên diện tích đất bà T bị thu hồi, mặt khác bà T2 chưa lập gia đình, không cùng hộ khẩu với bà T. Do đó, việc bà Trần Thị T đề nghị giải quyết 01 lô đất ở cho bà Trương Thị T2 là không có cơ sở giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 và khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 về sửa đổi khoản 3 Điều 11 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B.

Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định:

- Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H đối với

nội dung bồi thường về giá đất tại thời điểm thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

- Khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của hộ bà Trần Thị T, cụ thể: Chủ tịch UBND huyện H sửa đổi đối với nội dung bồi thường về giá đất tại thời điểm thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T (Lần 2) tại Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 là đúng theo trình tự và quy định pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T2 trình bày: Trong Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 nói bà không sinh sống ổn định tại hộ gia đình bà Trần Thị T là không đúng, vì bà T2 vẫn đang trong khâu, chưa lập gia đình, chưa có con, bà T2 làm việc ở P nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà sinh sống.

*** Tại phiên tòa:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND xã H không đồng ý với yêu cầu yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban phát triển quỹ đất H - Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 1 vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T2 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:

+ Hủy một phần Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T.

+ Hủy một phần các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 31/12/2024; Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện H về việc điều chỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần liên quan đến hộ bà Trần Thị T;

- Không chấp nhận các yêu cầu còn lại khác của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về người tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt: Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh L vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban phát triển quỹ đất H - Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 1 vắng mặt lần thứ hai nhưng đơn vị đã cung cấp chứng cứ đầy đủ nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 157, khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban phát triển quỹ đất H - Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 1.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[2.1] Các quyết định hành chính tại đơn khởi kiện ban đầu, đơn khởi kiện bổ sung bao gồm: Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H về việc thu hồi đất thực hiện công trình Công viên Trung tâm huyện; Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T cư ngụ tại khu phố N, thị trấn T; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND huyện H về việc giao đất ở tái định cư cho hộ bà Trần Thị T; Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ khu phố N, thị trấn T, huyện H (Lần đầu); Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T thường trú tại khu phố N, thị trấn T, huyện H (Lần hai). Các quyết định này được ban hành trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị T, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Vụ án thụ lý trước ngày 01/7/2025, căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng

hành chính (Chưa sửa đổi, bổ sung), quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

[2.2] Về thời hiệu: Ngày 05/10/2023, bà Trần Thị T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đối với các văn bản nêu trên. Căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, bà Trần Thị T khởi kiện trong thời hiệu.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện UBND huyện H ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 “Về việc điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H” quyết định này có liên quan trực tiếp quyết định hành chính bị kiện nên được xem xét trong cùng vụ án.

[2.4] Trong vụ án, các Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Công viên trung tâm huyện H gồm 05 hộ gia đình; Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện H có liên quan trực tiếp quyết định hành chính bị kiện nên được xem xét trong cùng vụ án.

[2.5] Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện H có liên quan trực tiếp đến quyết định hành chính bị kiện về phần bồi thường của hộ bà Trần Thị T, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nhưng bà T không đồng ý với việc điều chỉnh tiếp tục yêu cầu bổ sung nên được xem xét trong cùng vụ án.

[3] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện: Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ là không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện khác nêu trên là đúng thẩm quyền theo Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện và các quyết định hành chính có liên quan:

[4.1] Về Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H về việc thu hồi đất thực hiện công trình Công viên Trung tâm huyện: Bà Trần Thị T sử dụng thửa đất số 09, diện tích 835m² thuộc tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 717242 do UBND huyện H cấp ngày 01/11/2013. Để thực hiện công trình Công viên trung tâm huyện H nên UBND huyện H thu hồi thửa đất số 09 của hộ bà Trần Thị T. Như vậy việc thu hồi đất của UBND huyện H là để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phù hợp với quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy yêu cầu hủy Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 là không có cơ sở.

[4.2] Đối với Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T. Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T thì UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về giá đất từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024, thay thế Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND 26/12/2014 và Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND 10/3/2017 của UBND tỉnh B về giá đất nhưng UBND huyện H vẫn áp dụng Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B và Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND 10/3/2017 của UBND tỉnh B về giá đất (Đã hết hiệu lực), quy định giá đất thấp hơn là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường (Liên quan đến bồi thường về đất và hỗ trợ) là có căn cứ.

[4.3] Đối với Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T về đất, tài sản trên đất là nhà. Đối với nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất: Áp giá đất đã hết hiệu lực, quy định giá đất thấp hơn là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Đối với nội dung phê duyệt phương án bồi thường về nhà: Hộ bà Trần Thị T bị thu hồi toàn bộ đất, phải tháo dỡ toàn bộ nhà. UBND huyện H căn cứ Điều 29 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND 25/01/2018 của UBND tỉnh B sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND 02/3/2015 của UBND tỉnh B về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh B để tính toán giá trị bồi thường do phải tháo dỡ nhà là thỏa đáng.

[4.4] Đối với Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND huyện H về việc giao đất ở cho hộ gia đình bà Trần Thị T. Việc bố trí tái định cư của UBND huyện H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai

năm 2013; Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B về tái định cư cho người có đất bị thu hồi nên không có cơ sở hủy bỏ. Bởi vì việc bố trí tái định cư tại vị trí nào là thuộc thẩm quyền của cơ quan phê duyệt phương án bồi thường, đảm bảo quyền lợi của người có đất thu hồi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên hiện nay bà T cũng là người lớn tuổi, bức xúc về nơi ở, nơi buôn bán, nên kiến nghị Chủ tịch và UBND xã H cũng nên xem xét lại về phần đất tái định cư cho bà T nếu còn quỹ đất khác phù hợp với nhu cầu của bà T. Nếu không còn đất phù hợp thì vẫn thực hiện theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND huyện H.

[4.5] Đối với Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình bà Trần Thị T. Việc ban hành quyết định cưỡng chế là đúng thẩm quyền, trình tự được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 vì đương sự không đồng ý bàn giao đất đã có quyết định thu hồi. Tuy nhiên, thực tế, sau khi có quyết định cưỡng chế thì bà T đã chấp hành thu dọn và bàn giao mặt bằng trước ngày cưỡng chế. Do đó yêu cầu hủy Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 là không có cơ sở chấp nhận.

[4.6] Đối với Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T. Do Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T là không đúng quy định pháp luật về phần phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất nhưng bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất là đúng như nhận định trên. Tuy nhiên phần phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất không đúng quy định đã được giải quyết bằng Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B nên không cần thiết phải hủy bỏ.

[4.7] Xét đối với Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T (Lần hai): Bà Trần Thị T khiếu nại yêu cầu bồi thường theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; Bố trí tái định cư tại vị trí tương xứng dọc Quốc lộ A tại khu dân cư Trung tâm huyện theo quy định. Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Trần Thị T đối với phần bồi thường về giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện H ban hành quyết định sửa đổi Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H đối với nội dung bồi thường về giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; Không chấp nhận đối với yêu cầu bố trí tái định cư tại vị trí theo nguyện vọng của bà Trần Thị T. Như vậy, Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch

UBND tỉnh B đã chấp nhận một phần yêu cầu của bà T về giá đất là có cơ sở. Vì vậy yêu cầu hủy bỏ quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B:

- Ngày 29/12/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 2372/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H về nội dung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Ngày 31/7/2024, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1256/QĐ-UBND phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể;

- Ngày 04/12/2024, UBND huyện H ban hành Quyết định số 2647/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; Ngày 31/12/2024, UBND huyện H ban hành Quyết định số 3013/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H;

- Ngày 13/5/2025, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất.

- Ngày 09/5/2025, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1031/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 31/12/2024, Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện H về khoản bồi thường, hỗ trợ về đất theo giá đất tại Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B và hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 31/7/2024, Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND huyện H;

Trình tự thủ tục ban hành các quyết định trên là đúng nhưng UBND huyện H đã thực hiện phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T tại các quyết định nêu trên theo hướng điều chỉnh tăng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất. Tuy nhiên, tại thời điểm UBND huyện H ban hành Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 và 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 điều chỉnh việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất thì giá đất đã được điều chỉnh bằng Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh B. Do đó, việc UBND huyện H căn cứ giá đất tại Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B để ban hành quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Điều chỉnh phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T là không đúng quy định về phần bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về

giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Do đó yêu cầu khởi kiện bổ sung hủy bỏ các quyết định thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B là có căn cứ.

[6] Như vậy các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất; quyết định về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà Trần Thị T và các quyết định điều chỉnh các quyết định này được ban hành nhưng chưa căn cứ đúng giá đất tại thời điểm xem xét, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà Trần Thị T. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Hủy một phần các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất; quyết định về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà Trần Thị T.

[7] Về yêu cầu xem xét yêu cầu được cấp thêm 1 lô đất ở (Theo diện hộ ghép) cho bà Trương Thị T2 (Con của bà Trần Thị T). Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà Trương Thị T2 không chung hộ khẩu với hộ bà T mà có hộ khẩu riêng tại thị trấn T, huyện H. Bà T2 không sống chung với gia đình bà T, tại thời điểm có Thông báo thu hồi đất thì bà T2 chưa có gia đình, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở. Do đó, UBND huyện và UBND tỉnh B không chấp nhận việc bà Trần Thị T đề nghị giải quyết 01 lô đất ở cho bà Trương Thị T2 là có cơ sở. Tuy nhiên đây chỉ là ý kiến của đương sự, không phải là yêu cầu khởi kiện cụ thể về hành vi hành chính mà đã thể hiện trong các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh B.

[8] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận một phần nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người khởi kiện là người cao tuổi không nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm nên không xét hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1, khoản 2 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Khoản 5, khoản 11 Điều 4, khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2003;

- Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai năm 2024;

- Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011;
- Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ;
- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T như sau:

2.1.1. Hủy một phần Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất.

2.1.2. Hủy một phần Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất.

2.1.3. Hủy một phần Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất.

2.1.4. Hủy một phần Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất.

2.1.5. Hủy một phần Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 31/12/2024, Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị T đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất.

2.1.6. Hủy một phần Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc điều chỉnh Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về phần phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà Trần Thị T.

2.1.7. Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà Trần Thị T theo nhận định của bản án hành

chính.

2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc hủy các quyết định hành chính sau:

2.2.1. Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất thực hiện công trình Công viên Trung tâm huyện;

2.2.2. Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao đất ở tái định cư cho hộ bà Trần Thị T;

2.2.3. Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc cưỡng chế thu hồi đất;

2.2.4. Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T thường trú khu phố N, thị trấn T, huyện H (Lần hai).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14/01/2026), các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Sở TN&MT Lâm Đồng;
- Công TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Phương